TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày: 05/3/2025.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 11 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-DS, ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: số B, đường N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đường Duy T - Chức vụ: Giám đốc ngân hàng TMCP S – Chi nhánh G, có mặt.

Địa chỉ: Số I, đường C, khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn C – sinh ngày 15/4/1974, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị H – sinh ngày 02/5/1979, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày nội dung khởi kiện với các yêu cầu như sau:

- Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh G có cho ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 965.000.000đồng, theo hợp đồng tín dụng số 202326999772, ký ngày 05/4/2023, mục đích vay bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp. Thời hạn vay là 12 tháng, hình thức thanh toán lãi 06 tháng/lần; lãi suất thỏa thuận là 9,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân

cho ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 965.000.000đồng, theo giấy nhận nợ số LD2410200094, ký ngày 11/4/2024. Khi vay tiền ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H có ký hợp đồng thế chấp số 202304042088309, ngày 05/4/2023, gồm các tài sản sau:

Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 257353, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/7/2011, có tổng diện tích 35.715m^2, thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, đã cập nhật thay đổi đứng tên ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H vào ngày 18/5/2018.

Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 257579, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/8/2011, có tổng diện tích 7.800m^2, thuộc thửa đất số 08A, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, cập nhật thay đổi đứng tên ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H vào ngày 18/5/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ đúng cam kết và ông Lê Văn C đã bỏ địa phương đi làm ăn xa. Hiện tại, dư nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 05/3/2025 là 965.000.000đồng vốn gốc, lãi trong hạn là 90.183.877đồng, lãi phạt chậm trả lãi trong hạn là 1.955.275đồng và lãi quá hạn là 5.789.805đồng, tổng cộng bằng 1.062.928.957đồng.

- Ngoài ra, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh G đồng ý mở thẻ tín dụng cho ông Lê Văn C theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2690933, ngày 26/4/2023, hạn mức 50.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng. Lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng là 2,77%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi thỏa thuận. Sau khi ký hợp đồng mở thẻ, ông Lê Văn C đã tổng rút tổng số tiền 50.000.000đồng, từ ngày 15/5/2023 đến ngày 15/10/2024. Trong tổng số tiền này ông Lê Văn C đã trả cho Ngân hàng 8.303.517đồng tiền vốn gốc và 25.628.517đồng tiền lãi. Tính đến ngày 05/3/2025, ông Lê Văn C còn nợ Ngân hàng 49.472.405đồng tiền vốn và 8.831.112đồng tiền lãi, tổng cộng bằng 58.303.517đồng.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H phải trả hết tổng số tiền nợ của khoản có vay thế chấp tài sản là 1.062.928.957đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận đến khi tất toán hợp đồng.

Trường hợp ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 202304042088309, ngày 05/4/2023 để thu hồi nợ.

Ngoài ra, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn C phải trả thêm khoản nợ thẻ tín dụng bằng 58.303.517đồng và lãi phát sinh cho đến khi tất toán hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày như sau: Ngày 05/4/2023, vợ chồng bà có vay của Ngân hàng TMCP S số tiền 965.000.000đồng. Khi vay vợ chồng bà có thế chấp tài sản cho ngân hàng. Ngoài ra, ông C còn vay của Ngân hàng TMCP S số tiền

50.000.000đồng bằng hình thức mở thẻ tín dụng. Trong quá trình trả nợ do gặp khó khăn nên ông bà không có tiền trả cho ngân hàng.

Nay ngân hàng khởi kiện bà xin trả cho ngân hàng số tiền còn nợ và lãi phát sinh cho ngân hàng nhưng hiện nay vợ chồng bà đang kêu người bán đất để trả hết số tiền này cho ngân hàng.

Bị đơn ông Lê Văn C không có mặt tại phiên tòa. Trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ kiện, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay ông Lê Văn C không có mặt ở địa phương, Tòa án đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng theo qui định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự do bà Nguyễn Thị H nhận thay và cam kết giao lại cho ông Lê Văn C nhưng ông Lê Văn C không không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Lê Văn C trong vụ kiện.

- Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S có ý kiến xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền vay và lãi phát sinh theo bảng tính lãi ngày 05/3/2025 và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi tất toán hợp đồng. Trường hợp ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP S với ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với mục đích vay tài sản được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Tại hợp đồng tín dụng số 202326999772, ký ngày 05/4/2023; giấy nhận nợ số LD2410200094, ký ngày 11/4/2024 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2690933, ngày 26/4/2023 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách

hàng theo lãi suất thỏa thuận; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN, ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng và Thông tư số 17/2021/TT-NHNN, ngày 16/11/2021 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN, ngày 30/6/2016. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H không thực hiện đúng cam kết với Ngân hàng, do ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự buộc ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Khi ký kết hợp đồng tín dụng, các bên có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số B, ngày 05/4/2023, để đảm bảo nghĩa vụ của bên vay, vì vậy, Ngân hàng TMCP S yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp phía ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ là phù hợp với quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi tất toán khoản vay là phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

[6] Theo hợp đồng tín dụng số 202326999772, ký ngày 05/4/2023 và hợp đồng thế chấp số 202304042088309, ngày 05/4/2023 do ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H cùng ký tên. Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 955/2002, ngày 05/11/2002, vì vậy, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H cùng trả số nợ vay là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H phải nộp 43.888.000đồng (1.062.928.957 đồng x 5%) cho khoản vay có thế chấp.

Ông Lê Văn C phải nộp 2.915.000đồng (58.303.517đồng x 5%) cho khoản vay thẻ tín dụng.

Ngân hàng TMCP S được nhận lại 21.970.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010005 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được

công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Áp dụng khoản 2 Điều 8 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử: Buộc ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 1.062.928.957 (một tỷ không trăm sáu mươi hai triệu chín trăm hai mươi tám nghìn chín trăm năm mươi bảy) đồng của hợp đồng tín dụng số 202326999772, ký ngày 05/4/2023, gồm có số tiền nợ gốc là 965.000.000 (chín trăm sáu mươi lăm triệu) đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 97.928.957 (chín mươi bảy triệu chín trăm hai mươi tám nghìn chín trăm năm mươi bảy) đồng.

Buộc ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 58.203.517 (năm mươi tám triệu hai trăm lẻ ba nghìn năm trăm mười bảy) đồng của hợp đồng thẻ tín dụng số 2690933, ngày 26/4/2023.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S, thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số nợ trên gồm:

Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 257353, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/7/2011, có tổng diện tích 35.715m^2, thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, cập nhật thay đổi đứng tên ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H vào ngày 18/5/2018.

Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 257579, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/8/2011, có tổng diện tích 7.800m^2, thuộc thửa đất số 08A, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, cập nhật thay đổi đứng tên ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H vào ngày 18/5/2018.

Khi ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H trả hết số nợ vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng TMCP S, thì Ngân hàng TMCP S có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận QSD đất số BE 257353, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/7/2011 và giấy chứng nhận QSD đất số BE 257579, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/8/2011, được cập nhật thay đổi đứng tên ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H vào ngày 18/5/2018 cho ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H phải nộp 43.888.000đồng cho khoản vay có thế chấp.

Buộc ông Lê Văn C phải nộp 2.915.000đồng cho khoản vay thẻ tín dụng.

Ngân hàng TMCP S được nhận lại 21.970.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010005 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang